

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MỸ THO
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 55/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 19/4/2023

V/v tranh chấp “Ly hôn”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO-TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Lệ Thương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nhung.

2. Ông Nguyễn Tất Ái.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Minh Cường - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho tham gia phiên tòa có: Bà Ngô Thị Cẩm Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 604/2022/TLST-HNGĐ ngày 28/10/2022 về tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Chị Võ Thị Thanh T, sinh năm 1979 (Xin vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú: Số D B T, Phường D, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở hiện nay: Số G L, Phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2/ Bị đơn: Anh Lê Văn H, sinh năm 1976 (Xin vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú: Số D B T, Phường D, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở hiện nay: Số G L, Phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại Đơn khởi kiện, Bản tự khai ngày 28/10/2022 nguyên đơn chị Võ Thị Thanh T trình bày: Năm 2001 chị và anh Lê Văn H quen biết, tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào năm 2002; vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cãi vã nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp làm cho cuộc sống hàng ngày trở nên trầm trọng; Về con chung có 02 con tên Lê Phước L

– sinh ngày 29/9/2002 (đã trưởng thành) và Lê Phước T1 – sinh ngày 06/3/2012, Tài sản chung chị và anh H tự thỏa thuận; Nợ chung không có.

Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn H; con chung có 02 con tên Lê Phước L – sinh ngày 29/9/2002 (đã trưởng thành) và Lê Phước T1 – sinh ngày 06/3/2012, khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu T1, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung chị và anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 16/11/2022 chị T có đơn xin vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; phiên hòa giải, phiên tòa xét xử.

Tại Bản tự khai ngày 28/11/2022 bị đơn anh Lê Văn H trình bày: Anh đồng ý ly hôn với chị Võ Thị Thanh T; con chung có 02 con tên Lê Phước L – sinh ngày 29/9/2002 (đã trưởng thành) và Lê Phước T1 – sinh ngày 06/3/2012, khi ly hôn anh đồng ý để chị T trực tiếp nuôi cháu T1, anh không cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung anh và chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết đồng thời cùng ngày anh H có đơn xin vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ kiện, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quá trình tố tụng, Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho chị T, anh H theo đúng quy định. Tuy nhiên, chị T, anh H có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh H.

[2] Về hôn nhân: Chị Võ Thị Thanh T và anh Lê Văn H có đăng ký kết hôn đã được Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn, nên hôn nhân giữa chị T, anh H là hợp pháp.

Quá trình tố tụng chị T yêu cầu được ly hôn với anh H; Con chung có 02 con tên Lê Phước L – sinh ngày 29/9/2002 (đã trưởng thành) và Lê Phước T1 – sinh ngày 06/3/2012, khi ly hôn chị T yêu cầu trực tiếp nuôi cháu T1, anh H không cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung chị và anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Xét yêu cầu của chị T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị Võ Thị Thanh T và anh Lê Văn H có đăng ký kết hôn vào năm 2002. Quá trình chung sống đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Quá trình tố tụng chị T yêu cầu xin ly hôn với anh H. Đối với anh H tại Bản tự khai và Đơn xin vắng mặt anh đồng ý ly hôn với chị T. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh H đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ nên yêu cầu xin ly hôn của chị T là có cơ sở phù Điều 56 của Luật hôn nhân và Gia đình.

[3.1] Về con chung: Chị T và anh H khai có 02 con tên Lê Phước L – sinh ngày 29/9/2002 (đã trưởng thành) và Lê Phước T1 – sinh ngày 06/3/2012. Quá trình tố tụng chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Lê Phước T1, không yêu

cầu anh H cấp dưỡng. Tại Bản tự khai anh H đồng ý giao cháu Lê Phước T1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con; Xét thấy hiện tại cháu T1 do chị T chăm sóc và cũng theo nguyện vọng của cháu T1 muốn sống với mẹ. Do đó, giao cho chị T trực tiếp nuôi là phù hợp qui định pháp luật;

[3.2] Về tài sản chung: Chị T và anh H đều khai là tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết; Nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Chị Võ Thị Thanh T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và Gia đình;
- Căn cứ Điều 227, Điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Thanh T.

- Chị Võ Thị Thanh T được ly hôn với anh Lê Văn H.

- Con chung: Có 02 con tên Lê Phước L – sinh ngày 29/9/2002 (đã trưởng thành), nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét; Đối với cháu Lê Phước T1 – sinh ngày 06/3/2012 khi ly hôn chị T được trực tiếp nuôi con chung, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

Anh Lê Văn H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Chị Võ Thị Thanh T và anh Lê Văn H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Chị Võ Thị Thanh T và anh Lê Văn H đều khai là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Chị Võ Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân sơ thẩm, chị đã tạm nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0022859 ngày 28/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, xem như chị T đã thi hành xong.

- Về quyền kháng cáo: Chị Võ Thị Thanh T, anh Lê Văn H được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thành phố Mỹ Tho;
- Chi cục THADS TP . Mỹ Tho;
- UBND xã Mỹ Đức Tây, huyện Cái Bè, TG;
- Các đương sự:
 - + Chị Võ Thị Thanh Thủy;
 - + Anh Lê Văn Hưng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(đã ký)

Phạm Thị Lệ Thương